

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 412/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 07 - 2024

“V/v tranh chấp ly hôn,  
nuôi con chung”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Diệu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Võ Văn Tám
- Ông Huỳnh Văn Sức

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Thy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:* Ông Lưu Tiến Dũng – kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 07 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 303/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 05 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa: 171/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 06 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1999; địa chỉ: số A tổ E ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang (có yêu cầu vắng mặt);

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Chí T, sinh năm 1992; địa chỉ: tổ H ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang (vắng mặt);

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, nguyên đơn bà Trần Thị Đ trình bày:

Bà Trần Thị Đ với ông Nguyễn Văn Chí T do mai mối có tổ chức lễ cưới vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện P. Vợ chồng sống

hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, thường xuyên cãi vã về kinh tế trong gia đình, không tôn trọng lẫn nhau nên giữa bà Đ với ông T không sống chung từ năm 2022 cho đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 13/7/2020 hiện đang sống với bà Đ, bà Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn Chí T đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập bị đơn đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định pháp luật.

- Đối với nguyên đơn: bà Trần Thị Đ từ khi thụ lý vụ án, thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Đối với bị đơn: ông Nguyễn Văn Chí T từ khi thụ lý vụ án đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là phù hợp Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Đ đối với ông Nguyễn Văn Chí T; về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 13/7/2020. Giao con chung cho bà Đ được tiếp tục nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà **Trần Thị Đ** khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con với ông **Nguyễn Văn Chí T** nên quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Ông **Nguyễn Văn Chí T** với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại địa bàn **huyện P, tỉnh An Giang** nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân **huyện P, tỉnh An Giang**.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Bà **Trần Thị Đ** có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn ông **Nguyễn Văn Chí T** đã được Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng ông **T** không đến tham gia phiên Tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của ông **T** không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông **T**.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa bà **Trần Thị Đ** với ông **Nguyễn Văn Chí T** là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì mâu thuẫn vợ chồng, bà **Đ** cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, nên cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến vợ chồng không còn sống chung từ năm 2020 cho đến nay, hôn nhân của ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Vì vậy, bà **Đ** yêu cầu được ly hôn với ông **T** là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên **Nguyễn Thị Phương L**, sinh ngày 13/7/2020, hiện đang sống với bà **Đ**, bà **Đ** yêu cầu được tiếp tục nuôi, trong quá trình tố tụng ông **T** không có ý kiến phản hồi, nên Hội đồng xét xử giao con chung cho bà **Đ** được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Do bà **Đ** không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng không đặt ra xem xét giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

[3] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà **Trần Thị Đ** được chấp nhận nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 273; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị Đ**, bà **Trần Thị Đ** được ly hôn với ông **Nguyễn Văn Chí T**.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên **Nguyễn Thị Phương L**, sinh ngày 13/7/2020. Giao con chung cho bà **Đ** được tiếp tục nuôi dưỡng, ông **T** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: bà **Trần Thị Đ** phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0006639 ngày 19/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: HSVA.

**Trần Ngọc Diệu**